

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Chí Vương

2. Ông: Điều Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST- DS ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đăng K, sinh năm: 1971;

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 30/10/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/12/2018 bà Hà Thị T có vay của ông Trần Đăng K số tiền 359.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay nợ bằng đánh máy và có chữ ký của hai bên; bà T vay tiền với mục đích làm ăn, thời hạn vay là 01 tháng với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng/359.000.000 đồng. Khi đến hạn ông K đi đòi nhiều lần nhưng bà T hứa lần và không thanh toán tiền vay gốc và lãi cho ông. Khi vay nợ bà T có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích

8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, nội dung thể chấp ghi trong hợp đồng vay nợ và không có công chứng; bà T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K giữ.

Nay ông Trần Đăng K khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị T phải hoàn trả cho ông số tiền vay gốc là 359.000.000 đồng và tiền lãi như đã thỏa thuận, thời gian tính lãi từ ngày vay (31/12/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: 359.000.000 đồng x 2% x 16 tháng 21 ngày (từ ngày vay 31/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/5/2020) = 119.899.000 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại tòa. Ông K sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ cho bà T. Bà T vay tiền để sử dụng vào mục đích riêng nên chỉ yêu cầu mình bà T thanh toán mà không yêu cầu các thành viên gia đình cùng thanh toán nợ.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện, thụ lý vụ án của ông Trần Đăng K đối với bà Hà Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà T đến Tòa án để làm việc nhưng bà T vắng mặt tại các buổi làm việc mà không lý do. Tại biên bản xác minh ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện H được đại diện Công an xã T cho biết bà Hà Thị T có đăng ký hộ khẩu tại tổ 2, ấp L, xã T, huyện H nhưng không thường xuyên có mặt ở nhà ; sau đó bà T đi khỏi địa phương mà không báo cho địa phương và cũng không biết bà T đang sinh sống ở đâu nên Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà T vẫn không có mặt tại tòa án để làm việc theo giấy triệu tập nên không thu thập ý kiến được của bà T.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau :

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vụ án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện H đã triệu tập hợp lệ để bà Hà Thị T đến Tòa án làm việc. Tuy bà T có mặt tại địa phương nhưng không lên tòa để làm việc và sau đó đã bỏ đi khỏi địa phương mà không trình báo chính quyền địa phương và Tòa án biết nên đây là trường hợp đương sự cố tình dấu địa chỉ; Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa bà T cũng vắng mặt lần thứ hai liên tiếp nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các lời khai của đương sự được xem xét tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền cho vay gốc. Buộc bà Hà Thị T thanh toán cho ông Trần Đăng K số tiền 359.000.000 đồng trong hợp đồng vay tài sản. Đối với yêu cầu tính lãi ông K yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi như thỏa thuận 2%/tháng/số tiền vay, thời gian từ ngày

31/12/2018 là cao so với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận mức lãi cao nhất theo quy định của pháp luật là 20%/năm/số tiền vay là 1,67%/tháng/số tiền vay mới phù hợp. Vì vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông K về tiền lãi. Khi ông K và bà T giao kết hợp đồng vay tài sản, bà T có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích 8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên hộ Hà Thị T để đảm bảo cho khoản vay. Tuy nhiên, ông K chỉ yêu cầu bà T thanh toán tiền vay và lãi mà không yêu cầu xử lý về tài sản thế chấp nên đề nghị không xử lý. Việc bà T thế chấp quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo số tiền vay thể hiện trong hợp đồng vay mà không được công chứng là vi phạm quy định tại Điều 500 và 502 của Bộ luật dân sự nên hợp đồng này không hợp pháp nên vô hiệu. Hiện ông K đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ886169, thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích 8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ Hà Thị T ngày 15/01/2008, đề nghị tuyên ông K hoàn trả lại cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Ông Trần Đăng K khởi kiện bà Hà Thị T yêu cầu bà T thanh toán tiền vay nợ và tiền lãi chậm trả. Bà Hà Thị T có nơi cư trú tại Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện, thụ lý vụ án của ông Trần Đăng K đối với bà Hà Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà T đến Tòa án để làm việc. Tuy bà T có mặt tại địa phương nhưng không lên tòa để làm việc; Quá trình giải quyết thì bà T đi khỏi địa phương mà không báo cho địa phương và Tòa án biết nên đây là trường hợp đương sự cố tình dấu địa chỉ; Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa bà T cũng vắng mặt lần thứ hai liên tiếp nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét hợp đồng vay tài sản ngày 31/12/2018 giữa ông Trần Đăng K và bà Hà Thị T: Ngày 31/12/2018 bà Hà Thị T có vay của ông Trần Đăng K số tiền 359.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay nợ bằng đánh máy và có chữ ký

của hai bên; bà T vay tiền với mục đích làm ăn, thời hạn vay là 01 tháng với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng/359.000.000 đồng nhưng bà T chưa thanh toán cho ông K khoản tiền nào cả gốc và lãi khi đến hạn, mặc dù ông K đi đòi nhiều lần là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ông K khởi kiện bà T thanh toán tiền vay gốc để thu hồi vốn và tiền lãi chậm trả là phù hợp nên cần buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay và lãi cho nguyên đơn nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay.

2.2 Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận: Khi ông K cho bà T vay tiền thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, đến nay bà T vẫn chưa thanh toán và nay ông K yêu cầu bà T thanh toán lãi như thỏa thuận, cụ thể: $359.000.000 \text{ đồng} \times 2\% \times 16 \text{ tháng} 21 \text{ ngày}$ (từ ngày vay 31/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/5/2020) = 119.899.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các đương sự thỏa thuận hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng/số tiền vay là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; theo quy định thì các bên có thể thỏa thuận lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm/số tiền vay tức 1,67%/tháng. Vì vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Đăng K về mức lãi suất. Buộc bà Hà Thị T phải thanh toán cho ông Trần Đăng K số tiền lãi trên số tiền vay với mức lãi suất cao nhất theo quy định là 20%/năm, tức 1,67%/tháng đối với số tiền vay, tương ứng thời gian vay, từ ngày 31/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2020) là 16 tháng 21 ngày. Cụ thể: $359.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 16 \text{ tháng} 21 \text{ ngày}$, thành tiền là 100.121.503 đồng. Phần yêu cầu lãi 119.899.000 đồng ($359.000.000 \text{ đồng} \times 2\% / \text{tháng} \times 16 \text{ tháng} 21 \text{ ngày}$) - 100.121.503 đồng = 19.777.497 đồng lãi vượt quá quy định không được chấp nhận.

2.3 Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Nguyên đơn khai khi vay nợ chỉ bà T là người trực tiếp đi vay và mục đích làm ăn riêng, gia đình không biết nên chỉ yêu cầu mình bà T thanh toán nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn được xem xét tại phiên tòa, xác định bà T là người trực tiếp vay nợ của ông K và ông K chỉ yêu cầu mình bà T thanh toán nợ nên chỉ buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông K là phù hợp.

2.4 Về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp: Khi ông K và bà T giao kết hợp đồng vay tài sản, bà T có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích 8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên hộ Hà Thị T để đảm bảo cho khoản vay. Tuy nhiên, ông K chỉ yêu cầu bà T thanh toán tiền vay và lãi mà không yêu cầu xử lý về tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử xét thấy: việc bà T thế chấp quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo số tiền vay, chỉ ghi trong hợp đồng vay mà không được công chứng là vi phạm quy định tại Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, hợp đồng này không hợp pháp nên vô hiệu; ông K không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản thế chấp nên không giải quyết. Hiện ông K đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ886169 thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích 8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên hộ Hà Thị T nên buộc ông K hoàn trả lại cho bà T.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Hà Thị T, ông Trần Đăng K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 228 và các Điều 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 398, 407, 463, 466, 468, 500 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng K.

1. Buộc bà Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đăng K số tiền 359.000.000 (*Ba trăm năm mươi chín triệu*) đồng trong hợp đồng vay tài sản và 100.121.503 (*Một trăm triệu một trăm hai mươi một nghìn năm trăm lẻ ba*) đồng tiền lãi. Tổng cộng 459.121.503 (*Bốn trăm năm mươi chín triệu một trăm hai mươi một nghìn năm trăm lẻ ba*) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đăng K đối với bà Hà Thị T về mức lãi suất vượt quá quy định với số tiền là 19.777.497 (*Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bảy*) đồng.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích 8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên hộ Hà Thị T để đảm bảo cho khoản vay trong hợp đồng vay tài sản ngày 31/12/2018 giữa ông Trần Đăng K và bà Hà Thị T vô hiệu. Ông Trần Đăng K không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên không giải quyết. Buộc ông K hoàn trả lại cho bà Hà Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ886169, thửa số 50, tờ bản đồ số 20 có diện tích 8.413m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ Hà Thị T ngày 15/01/2008.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu 22.364.860 (*Hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn T trăm sáu mươi*) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Ông Trần Đăng K phải chịu số tiền 988.875 (*Chín trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi lăm*) đồng án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp 8.975.000 (*Tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0001617 ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H hoàn trả lại cho ông Trần Đăng K số tiền 7.986.125 (*Bảy triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm*) đồng tạm ứng án phí còn lại.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Trần Đăng K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- THADS huyện H;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học